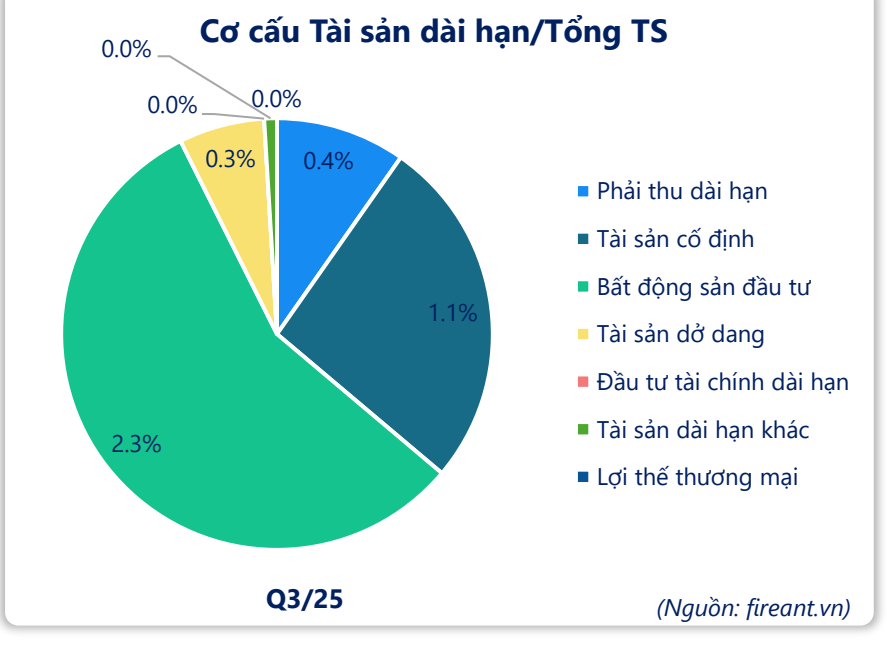
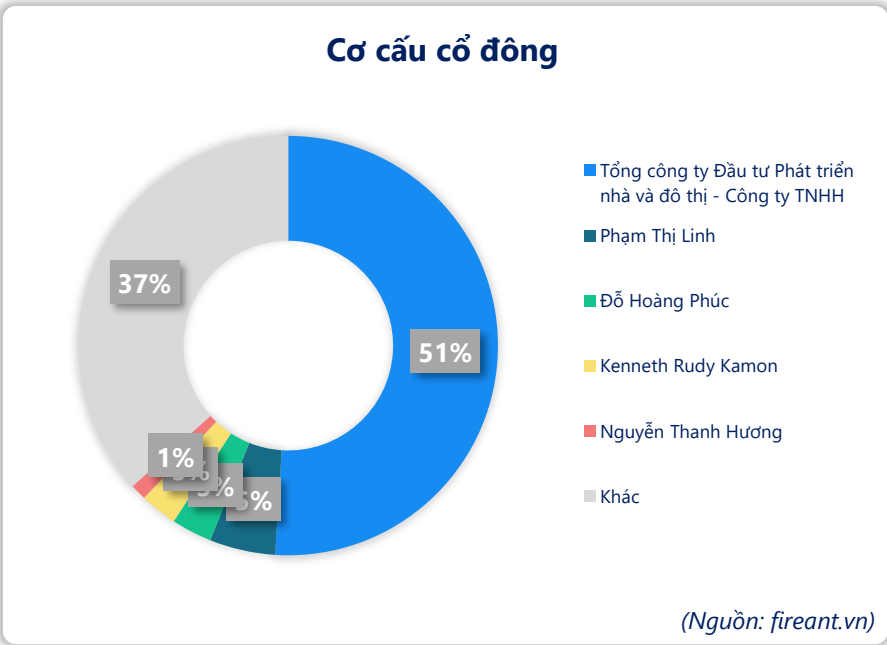
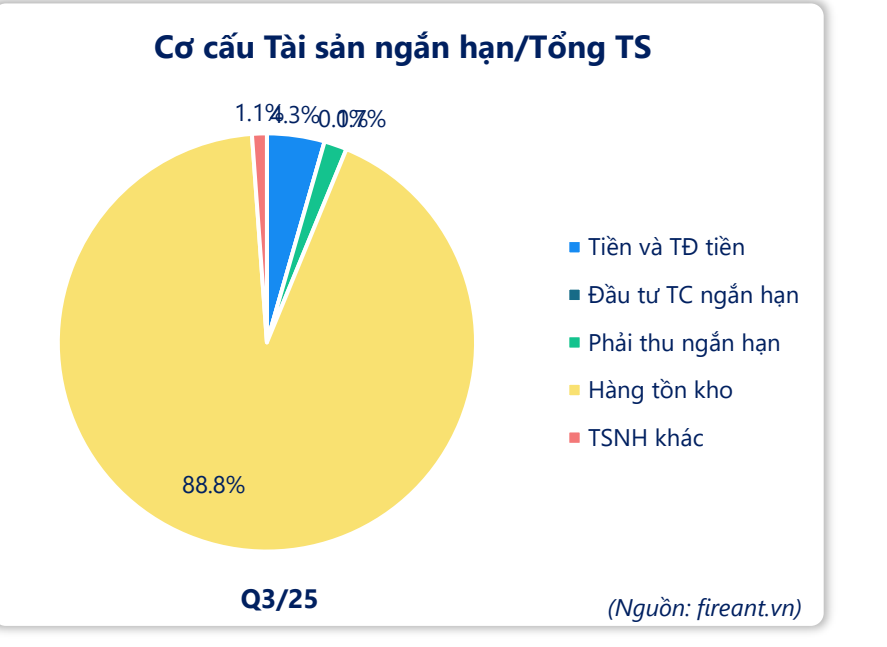
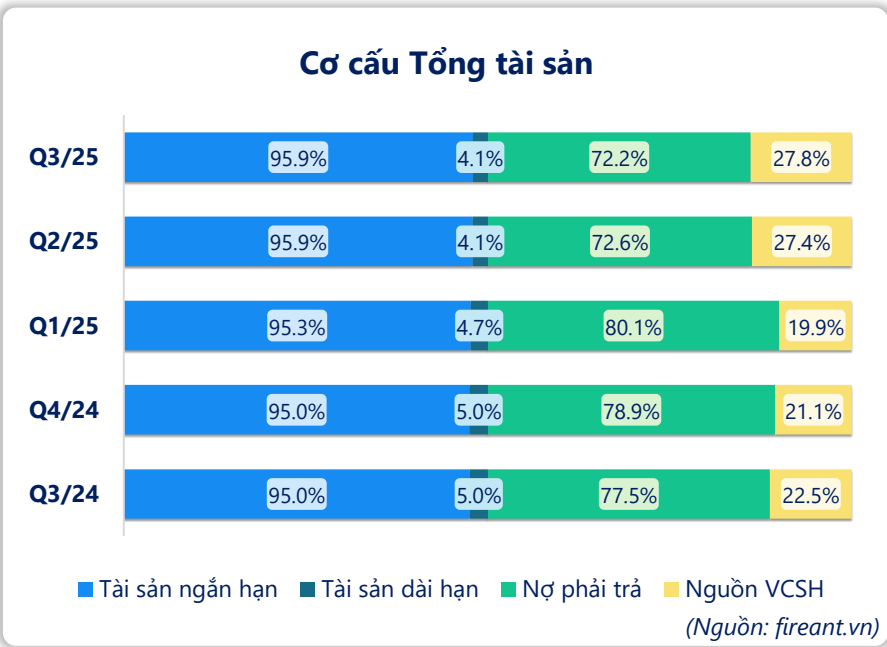
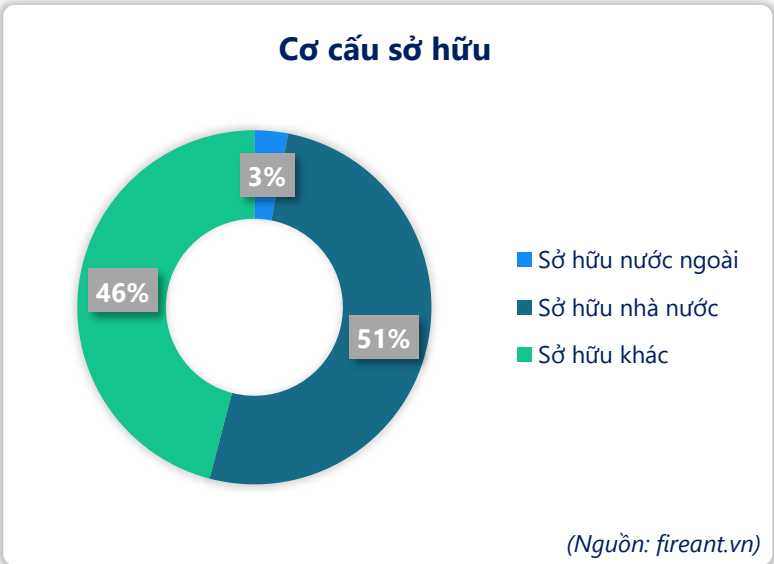
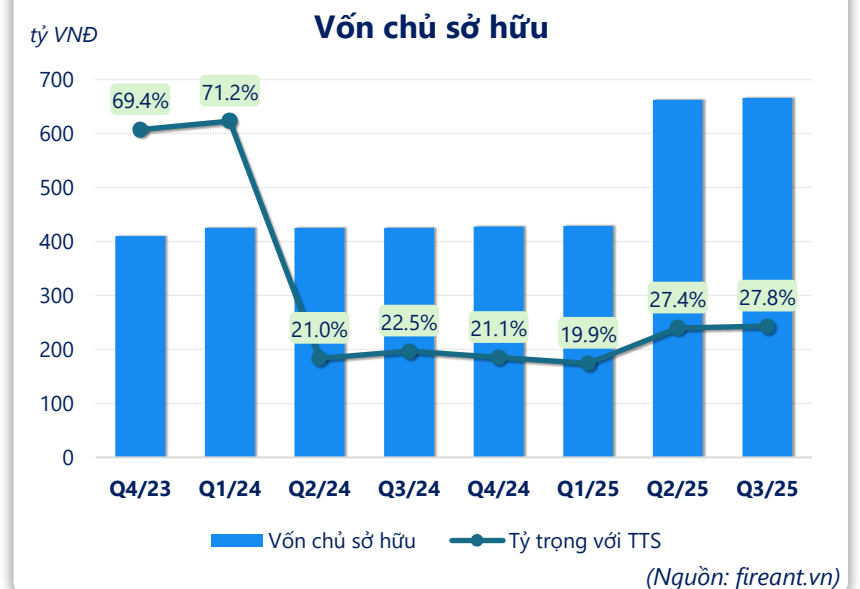
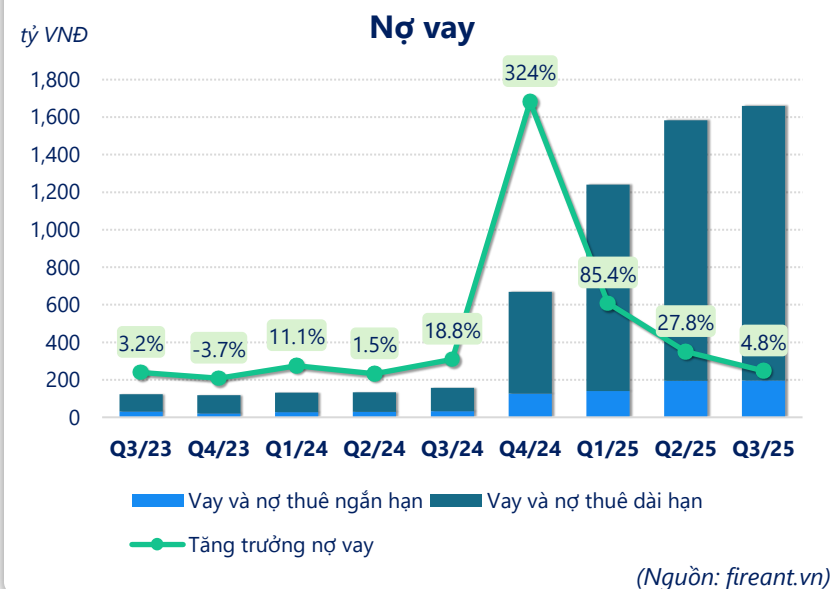
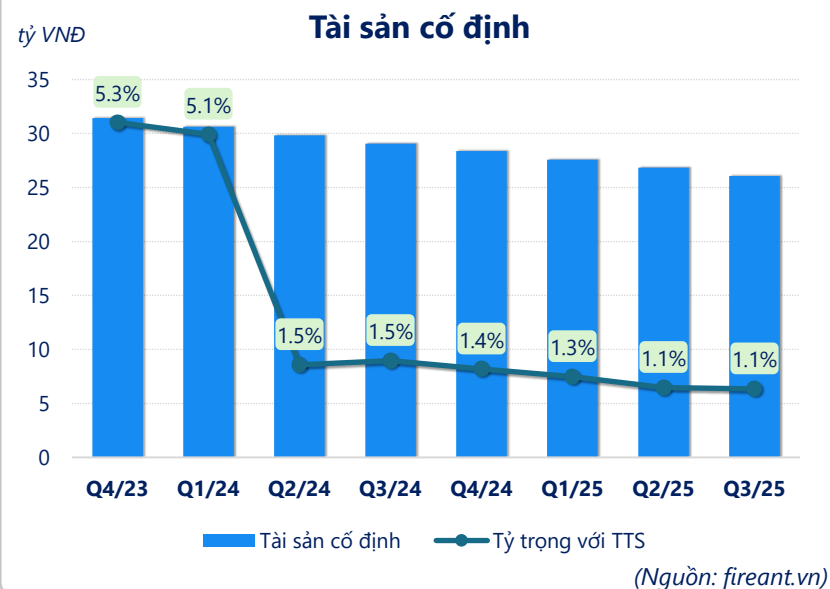
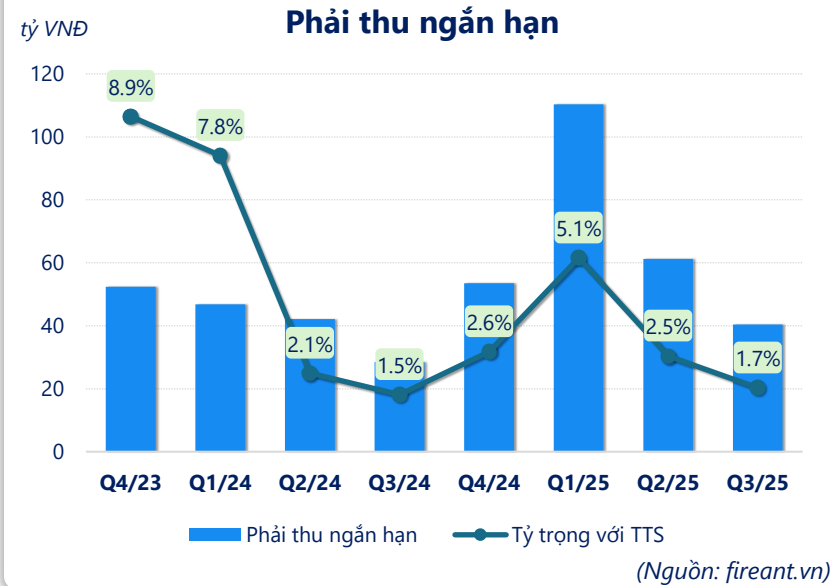
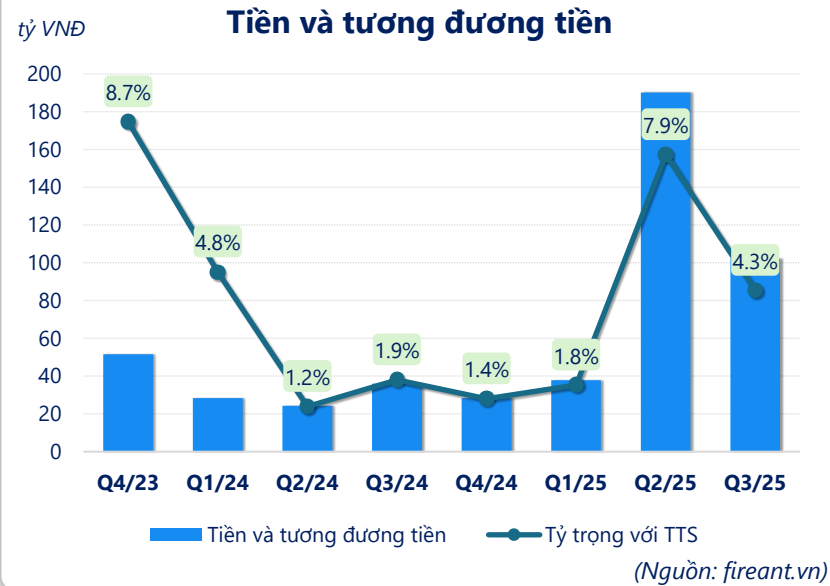
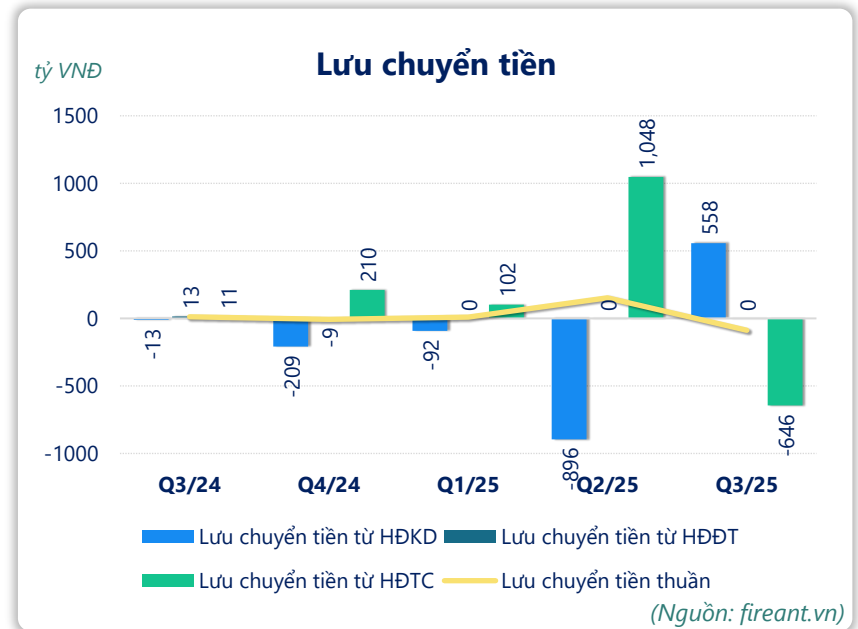
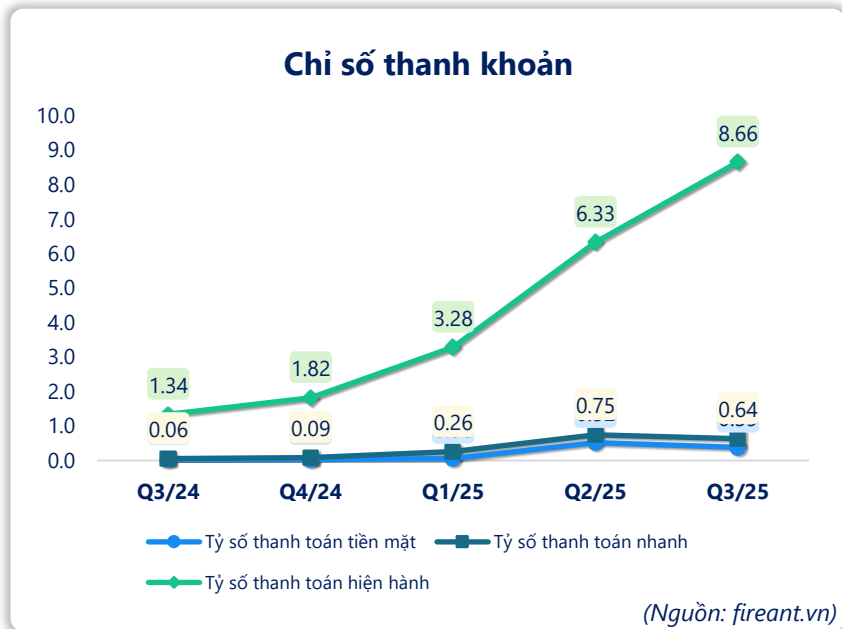
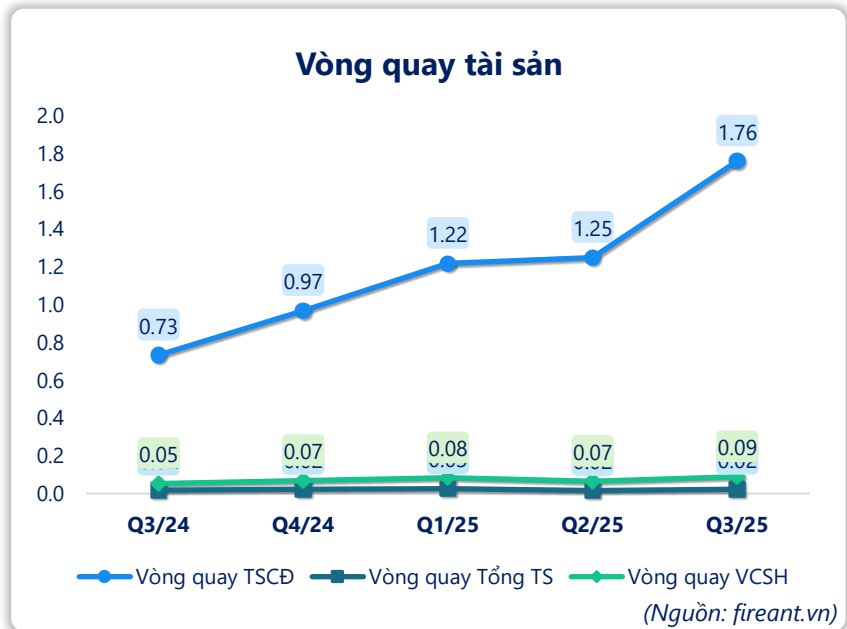
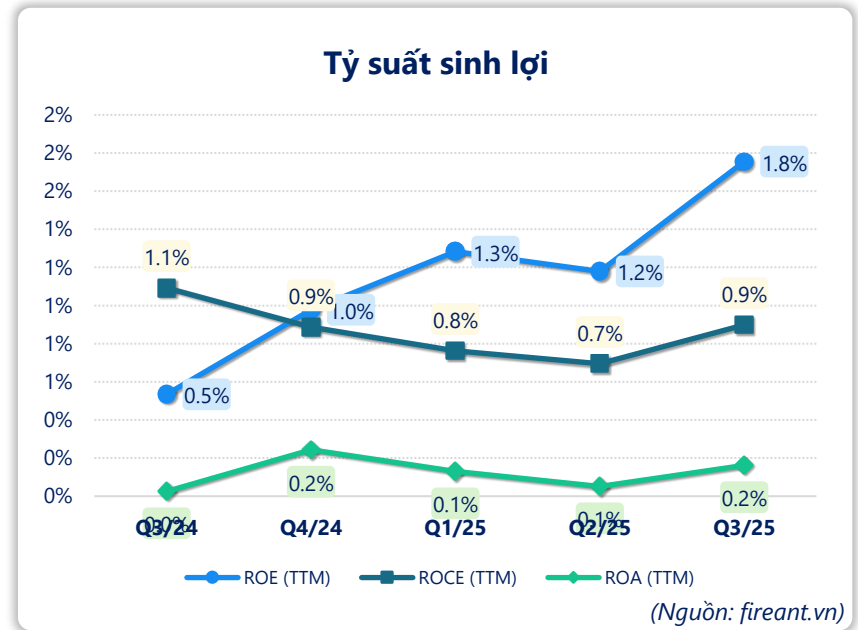
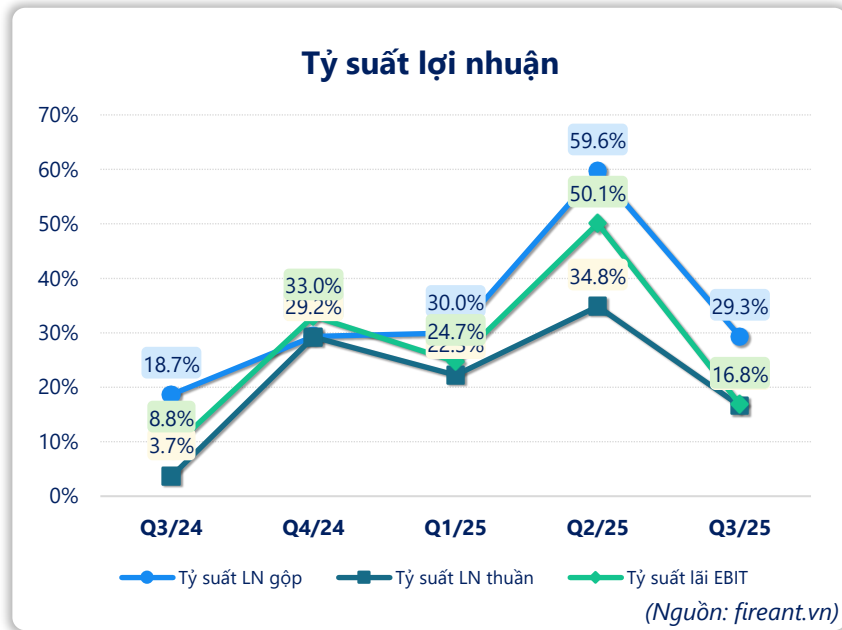
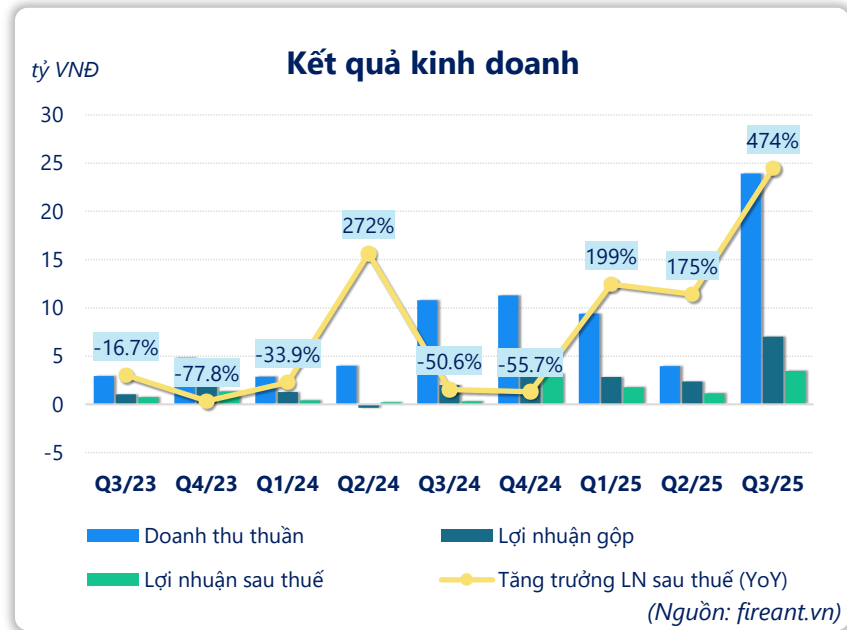


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,936
SL cổ phiếu LH		54,999,961
KLGD BQ 20 phiên (CP)		69,360
% sở hữu nước ngoài		3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		995
P/E		103.9
EPS		174

	YTD	1T	3T	6T
HLD	29.5%	-1.1%	23.1%	35.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,396	2,023	18.4%
Tài sản ngắn hạn	2,297	1,922	19.5%
Tiền và tương đương tiền	102	28.5	259%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.4	53.3	-24.2%
Hàng tồn kho	2,128	1,829	16.3%
Tài sản ngắn hạn khác	26.3	10.3	155%
Tài sản dài hạn	98.7	102	-3.1%
Phải thu dài hạn	9.60	9.60	0.0%
Tài sản cố định	26.1	28.4	-8.1%
Bất động sản đầu tư	55.7	58.4	-4.6%
Tài sản dở dang	6.33	4.90	29.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.94	0.51	84.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,730	1,596	8.4%
Nợ ngắn hạn	265	1,054	-74.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	196	126	55.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.3	5.17	235%
Nợ dài hạn	1,464	542	170%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,464	542	170%
Nguồn vốn chủ sở hữu	666	427	55.8%
Vốn chủ sở hữu	666	427	55.8%
Vốn điều lệ	550	316	74.1%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	10.8	11.3	9.38	3.95	23.9
Giá vốn hàng bán	8.79	7.98	6.57	1.59	16.9
Lợi nhuận gộp	2.02	3.31	2.81	2.36	7.01
Doanh thu HĐTC	0.09	0.30	0.08	0.22	0.21
Chi phí TC	0.55	0.42	0.19	0.56	0.06
Chi phí lãi vay	0.55	0.42	0.19	0.56	0.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.48	0.51	0.40	0	2.84
Chi phí QLDN	0.68	-0.62	0.21	0.64	0.36
LN thuần từ HĐKD	0.39	3.30	2.09	1.38	3.96
Lợi nhuận khác	0.00	0.01	0.04	0.04	0.00
LN trước thuế	0.40	3.30	2.13	1.42	3.96
Lợi nhuận sau thuế	0.31	3.18	1.78	1.14	3.48
LNST của CĐ cty mẹ	0.31	3.18	1.78	1.14	3.48

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.6	-209	-92.4	-896	558
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.0	-9.37	0.08	0.05	0.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.3	210	102	1,048	-646
Tiền đầu kỳ	24.3	35.9	28.5	37.9	190
Lưu chuyển tiền thuần	11.7	-7.64	9.44	152	-87.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	35.9	28.3	37.9	190	102

(Nguồn: fireant.vn)